TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: …./2022/HNGĐ - ST
Ngày 13-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Việt Đ, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Kim B, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Việt Đ trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Ông và bà B chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện tại tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông xin ly hôn với bà B.

Về con chung: Quá trình chung sống ông Đ và bà B có 02 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 12/8/2007 và Trần Thị A, sinh ngày 04/9/2014. Khi ly hôn ông Đ yêu cầu được nuôi con Trần Thị D, giao con chung Trần Thị A cho bà B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong bản tự khai bị đơn bà Bùi Thị Kim B trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim B và ông Trần Việt Đ chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa mà thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã tất cả các vấn đề trong cuộc sống nên ông Đ xin ly hôn thì bà B đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống bà B và ông Đ có 02 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 12/8/2007 và Trần Thị A, sinh ngày 04/9/2014. Khi ly hôn bà B yêu cầu được nuôi con Trần Thị A, giao con chung Trần Thị D cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ông Trần Việt Đ và bà Bùi Thị Kim B chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Đ và bà B đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Bà Bùi Thị Kim B và ông Trần Việt Đ có 02 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 12/8/2007 và Trần Thị A, sinh ngày 04/9/2014. Khi ly hôn ông Đ xin được nuôi cháu Trần Thị D, bà B xin được nuôi cháu Trần Thị A. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu D có nguyện vọng được sống cùng với ông Đ, cháu A có nguyện vọng được sống cùng bà B. Nên, đề nghị HĐXX giao cháu Trần Thị D cho ông Đ nuôi dưỡng, cháu Trần Thị A cho bà B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Việt Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị Kim B, yêu cầu được nuôi con chung Trần Thị D, sinh năm 2007, bị đơn bà B hiện cư trú tại xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần Việt Đ và bà Bùi Thị Kim B chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Đ và bà B đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng ông đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Bà Bùi Thị Kim B và ông Trần Việt Đ có 02 con chung tên Trần Thị D, sinh ngày 12/8/2007 và Trần Thị A, sinh ngày 04/9/2014. Khi ly hôn ông Đ xin được nuôi cháu Trần Thị D, bà B xin được nuôi cháu Trần Thị A. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu D có nguyện vọng được sống cùng với ông Đ, cháu A có nguyện vọng được sống cùng bà B. Nên, HĐXX quyết định giao con chung Trần Thị D cho ông Đ nuôi dưỡng, cháu Trần Thị A cho bà B nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Việt Đ đối với bị đơn bà Bùi Thị Kim B về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

2. Về hôn nhân: Ông Trần Việt Đ được ly hôn với bà Bùi Thị Kim B.

3. Về con chung: Giao con chung Trần Thị D, sinh ngày 12/8/2007 cho ông Trần Việt Đ nuôi dưỡng. Giao con chung Trần Thị A, sinh ngày 04/9/2014 cho bà Bùi Thị Kim B nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ, bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông Trần Việt Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008252 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh